

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 235/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 8- 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tân. Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐHPT- HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị H; Sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N xã N, huyện N, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M; Sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10 xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai Nguyên đơn là chị Mai Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2018 tại UBND phường B, quận B , Thành Phố H . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng đã cắt đứt mọi

quan hệ tình cảm từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn M vắng mặt và tại bản tự khai ngày 23/3/2022 anh M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M và chị H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2018 tại UBND phường B, quận B, thành phố H. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện T, tỉnh T. Tình cảm vợ chồng không tốt, không hạnh phúc. Tháng 10/2018 vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống. Anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Anh M có kê khai một số khoản nợ nhưng không làm Đơn yêu cầu về phân tài sản và không nộp các tài liệu chứng cứ.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn M. Án phí dân sự: Các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Mai Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh Nguyễn Văn M có địa chỉ: Thôn 10 xã T, huyện T, tỉnh T nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi cư trú. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn M và tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh M. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 và vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn M là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống trong khoảng thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10/2018 đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn và anh M cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung của vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh M có kê khai vợ chồng vay nợ chung gồm: Vay của chị Lê Thị N số tiền 40.000.000đ và vay của anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 50.000.000đ. Tòa án đã hướng dẫn anh M làm Đơn yêu cầu giải quyết và giao nộp các tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên anh M không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến hai khoản nợ trên. Tòa án đã triệu tập anh M nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Qua xác minh anh M không có mặt tại địa phương. Vì vậy HĐXX không xem xét về khoản nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tố tụng: Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử lý hôn giữa chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn M.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014104 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chị Mai Thị H được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Phòng GDKTNV TAND tỉnh T
- Các DS
- UBND phường B, quận B, thành phố H
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị H